

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 85/2023/DS-ST

Ngày: 13 – 9 – 2023

*"V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Lanh**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông: **Nguyễn Trung Du**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia
phiên tòa.**

Trong các ngày 08, 13 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST – DS
ngày 09 tháng 6 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn G** – sinh năm: 1949 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: 1. Anh **Phạm Văn C** – sinh năm: 1970 (vắng).

2. Chị **Lê Thị D** - sinh năm: 1974 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp L, xã B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn K** - sinh năm: 1951 (vắng).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông **Trương Phước T** - sinh năm: 1963 (vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Văn K** và ông **Trương
Phước T** là ông **Nguyễn Văn G** – sinh năm: 1949 (theo văn bản ủy quyền ngày
04/7/2022) (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI D VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 11/6/2022, trong quá trình tham gia tố tụng và

tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn G trình bày:

Vào ngày 29/12/2019 ông có cho ông Phạm Văn C và vợ là bà Lê Thị D vay số vàng là 20 chỉ vàng 24K để ông C và bà D làm vốn mua bán sầu riêng, hai bên thỏa thuận thời gian trả là 12 tháng, hai bên thỏa thuận lãi suất 12 tháng thì 10 chỉ vàng 24K lãi là 02 chỉ vàng 24K nên 20 chỉ vàng 24K thì lãi là 04 chỉ vàng 24K. Nhưng sau đó ông C và bà D không trả vàng vốn và vàng lãi cho ông.

Năm 2020 ông có cho ông Chuần và bà D vay số tiền là 230.000.000đ, trong đó ông vay của ông Nguyễn Văn K số tiền là 160.000.000đ và vay của ông Trương Phước T là 70.000.000đ để cho ông C và bà D vay lại. Lãi suất giữa ông và ông C, bà D thỏa thuận là 4%/tháng. Thời gian trả hai bên thỏa thuận nếu ông cần thu hồi nợ thì ông thông báo cho ông C và bà D trước 30 ngày. Sau đó ông C và bà D có trả lãi cho ông được 01 tháng với số tiền là 6.400.000đ thì ngưng không trả lãi nữa và cũng không trả tiền vốn cho ông.

Ngày 16/11(âl)/2020 ông có cho ông C và bà D vay tiếp số tiền là 100.000.000đ. Lãi suất giữa ông và ông C, bà D thỏa thuận là 4%/tháng. Thời gian trả hai bên thỏa thuận nếu ông cần thu hồi nợ thì ông thông báo cho ông C và bà D trước 30 ngày. Sau đó ông C và bà D không có trả lãi cho ông và cũng không trả vốn cho ông.

Tổng cộng ông C và bà D đã vay của ông số tiền là 330.000.000đ và 20 chỉ vàng 24K.

Ngày 16/11(âl)/2020 nhằm ngày 29/12(dl)/2020 thì ông và ông C, bà D có viết biên nhận cho ông đối với số tiền và vàng trên.

Đối với số tiền mà ông vay của ông Nguyễn Văn K là 160.000.000đ và của ông Trương Phước T là 70.000.000đ thì ông đã trả xong cho ông K và ông T rồi.

Sau đó ông có nhiều lần đến gặp ông C và bà D để yêu cầu trả tiền và vàng cho ông nhưng ông C và bà D chỉ hẹn mà không trả cho ông.

Nay ông yêu cầu ông Phạm Văn C và vợ là bà Lê Thị D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền vay vốn là 330.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 16/01/2021 đến ngày 16/8/2023 là 31 tháng T tiền là 102.300.000đ. Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 432.300.000đ và yêu cầu ông C và bà D phải trả cho ông 20 chỉ vàng 24K, ông không yêu cầu tính lãi.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K là ông Nguyễn Văn G trình bày:** Năm 2020 ông K có cho ông G vay số tiền là 160.000.000đ. Sau đó thì ông G đã trả đủ số

tiền 160.000.000đ cho ông K xong rồi nên nay ông K không có yêu cầu gì đối với ông G.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trương Phước T là ông Nguyễn Văn G trình bày:** Năm 2020 ông T có cho ông G vay số tiền là 70.000.000đ. Sau đó thì ông G đã trả đủ số tiền 70.000.000đ cho ông T xong rồi nên nay ông T không có yêu cầu gì đối với ông G.

Bị đơn ông Phạm Văn C và bà Lê Thị D đã được Tòa án tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Phạm Văn C và bà Lê Thị D không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa xét xử sơ thẩm. Xét việc vắng mặt của ông C và bà D không gây trở ngại cho việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C và bà D.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn G có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long G quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông G và bị đơn ông Phạm Văn C và bà Lê Thị D, ông C và bà D có nơi cư trú tại ấp Lăng, xã Thanh Bình, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền G quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông C và bà D vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông C và bà D nhưng ông C và bà D cũng không đến Tòa án. Nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C và bà D.

[2] Về nội D vụ án:

Hợp đồng vay tài sản giữa ông G và ông C, bà D được thiết lập dựa trên sự tự nguyện giữa đôi bên nên hợp đồng này phù hợp theo quy định của pháp luật.

Ông G trình bày ông G có cho ông C và bà D vay số tiền nhiều lần với tổng số tiền là 330.000.000đ có viết biên nhận. Hai bên có thỏa thuận lãi suất. Nay ông G yêu cầu bà D và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G số tiền vốn là 330.000.000đ và tiền lãi là 102.300.000đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 432.300.000đ và yêu cầu ông C và bà D phải trả cho ông G 20 chỉ vàng 24K, ông G không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay ông C, bà D vắng mặt. Tại biên nhận nợ ngày 16/11(âl)/2020 nhằm ngày 29/12(dl)/2020 thì ông C và bà D có nhờ ông G

vay của ông K 160.000.000đ và của ông T 70.000.000đ, của ông G 100.000.000đ và 20 chỉ vàng 20K có ông C và bà D cùng ký tên và ghi họ tên vào biên nhận. Đối với số tiền ông G vay của ông K 160.000.000đ và ông G vay của ông T 70.000.000đ thì ông G đã trả đủ 160.000.000đ cho ông K và 70.000.000đ cho ông T nên trong vụ án này ông K và ông T không có yêu cầu gì đối với ông G nên Hội đồng xét xử không xem xét G quyết. Như vậy theo biên nhận thì ông C và bà D có vay của ông G số tiền là 330.000.000đ và 20 chỉ vàng 24K. Xét yêu cầu khởi kiện của ông G là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó buộc ông C và bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông G số tiền vay là 330.000.000đ và tiền lãi từ ngày 16/01/2021 đến ngày 16/8/2023 là 31 tháng với lãi suất 01%/tháng, T tiền là 102.300.000đ, tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 432.300.000đ. Buộc ông C và bà D phải liên đới trả cho ông G 20 chỉ vàng 24K.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông C, bà D phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.692.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn G.

Buộc bà Lê Thị D và ông Phạm Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Nguyễn Văn G số tiền vay vốn là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 102.300.000đ (Một trăm lẻ hai triệu ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng tiền vốn và tiền lãi là 432.300.000đ (Bốn trăm ba mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng). Buộc bà Lê Thị D và ông Phạm Văn C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn G 20 (Hai mươi) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị D và ông Phạm Văn C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.692.000đ (Hai mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu.

Phạm Thị Lanh